

CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

- I. Nguồn gốc và đối tượng nghiên cứu của KT vĩ mô
- II. Mục tiêu của kinh tế vĩ mô
- III. Các công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô
- IV. Tổng cung tổng cầu

11/15/2011

Tran Bich Dung

1

I. Một số khái niệm

- Nhu cầu của con người là vô hạn
- Nguồn lực sản xuất :
 - đất đai
 - nguồn lao động
 - nguồn vốn
 - trình độ kỹ thuật sản xuất...
 - là khan hiếm

11/15/2011

Tran Bich Dung

2

I. Một số khái niệm

- Con người phải lựa chọn nhằm:
 - Đạt mục tiêu: Tối ưu hoá lợi ích của các cá nhân, tổ chức và nền kinh tế
 - Trong ràng buộc là nguồn lực SX có giới hạn

11/15/2011

Tran Bich Dung

3

1. Kinh tế học là gì?

- Kinh tế học là một môn khoa học xã hội
 - nghiên cứu việc lựa chọn cách sử dụng hợp lý các nguồn lực khan hiếm
 - để sản xuất hàng hoá và dịch vụ
 - nhằm thoả mãn cao nhất nhu cầu cho các thành viên trong xã hội

11/15/2011

Tran Bich Dung

4

2. Kinh tế vi mô:

- Nghiên cứu nền kinh tế ở góc độ chi tiết, bộ phận riêng lẻ
- nghiên cứu cách ứng xử
 - của người tiêu dùng
 - người sản xuất
- nhằm lý giải
 - sự hình thành
 - và vận động
 - của giá cả từng sản phẩm trong từng dạng thị trường

11/15/2011

Tran Bich Dung

5

3. Kinh tế vĩ mô:

- Nghiên cứu nền kinh tế ở góc độ tổng thể, toàn bộ thông qua các biến số kinh tế:
 - tổng sản phẩm quốc gia
 - tốc độ tăng trưởng kinh tế
 - tỉ lệ lạm phát, tỉ lệ thất nghiệp
 - cán cân thương mại.....
 - → đề ra các chính sách kinh tế nhằm ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

11/15/2011

Tran Bich Dung

6

4.Kinh tế học thực chứng:("Cái gì?")

- Mô tả
- lý giải
- và dự báo
 - các vấn đề kinh tế đã, đang và sẽ xảy ra
 - một cách khách quan và khoa học

11/15/2011

Tran Binh Dung

7

5.Kinh tế học chuẩn tắc: "Nên thế nào?"

- Đưa ra những chỉ dẫn, những quan điểm cá nhân về cách giải quyết các vấn đề kinh tế
- Mang tính chủ quan
- Là nguồn gốc bất đồng quan điểm giữa các nhà kinh tế học

11/15/2011

Tran Binh Dung

8

- Đối tượng nghiên cứu của KT vĩ mô là
- Các hiện tượng kinh tế
- Các hoạt động kinh tế
- Được nghiên cứu ở giác độ tổng thể

11/15/2011

Tran Binh Dung

9

II.Mục tiêu của kinh tế vĩ mô

- Hiệu quả
- Ổn định
- Công bằng
- Tăng trưởng

11/15/2011

Tran Binh Dung

10

II.Mục tiêu của kinh tế vĩ mô

Được thể hiện bằng các mục tiêu cụ thể:

- Sản lượng quốc gia thực đạt ngang bằng mức sản lượng tiềm năng
- Tốc độ tăng trưởng cao và bền vững
- Tạo đầy đủ việc làm, khống chế tỷ lệ thất nghiệp ở mức tự nhiên
- Ổn định giá cả, kiểm soát được lạm phát ở mức vừa phải
- Ổn định tỷ giá hối đoái, cân bằng cán cân thanh toán

11/15/2011

Tran Binh Dung

11

I.Sản lượng quốc gia thực đạt ngang bằng mức sản lượng tiềm năng

Sản lượng tiềm năng(mong muốn)Yp:

- Là sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với
 - tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên
 - và tỉ lệ lạm phát vừa.
 - Theo thời gian, khả năng sản xuất của nền kinh tế có xu hướng tăng lên
 - → Yp cũng có xu hướng tăng

11/15/2011

Tran Binh Dung

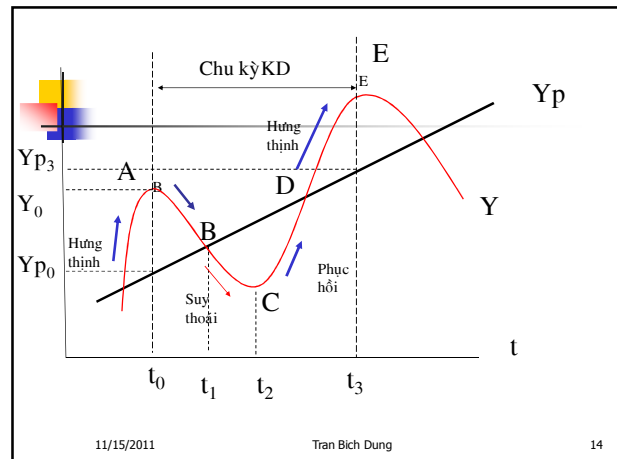
12

- Sự chênh lệch giữa Y và Y_p tạo ra các lỗ hổng sản lượng:
- Lỗ hổng suy thoái : xuất hiện khi $Y < Y_p$
- Lỗ hổng lạm phát : xuất hiện khi $Y > Y_p$
- Để mô tả *sự thăng trầm* của Y ,
- các nhà kinh tế đưa ra khái niệm *chu kỳ kinh doanh*

11/15/2011

Tran Binh Dung

13



11/15/2011

Tran Binh Dung

14

Định luật OKUN

- Phản ánh mối quan hệ giữa sản lượng thực tế và tỉ lệ thất nghiệp thực tế.
- Cách tính của **Samuelson & Nordhaus**:
 - “Khi sản lượng thực tế(Y) thấp hơn sản lượng tiềm năng(Y_p) 2%
 - thì tỉ lệ thất nghiệp thực tế(U) cao hơn tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên(U_n)1%:

11/15/2011

Tran Binh Dung

15

Định luật OKUN

$$\Delta Y\% = \frac{Y_p - Y}{Y_p} * 100$$

$$\Delta U\% = \frac{\Delta Y\%}{2}$$

$$U_t = U_n + \Delta U$$

$$U_t = U_n + \frac{Y_p - Y}{Y_p} * \frac{100}{2}$$

■ VD: $Y_p = 2000$

■ $U_n = 5\%$

■ $Y = 1900$

■ $U = ?$

■ $Y_1 = 2100$

■ $U_1 = ?$

11/15/2011

Tran Binh Dung

16

Định luật OKUN

- Cách tính của **Fischer & Dornbusch**:
 - “ Khi tốc độ tăng của Y nhanh hơn tốc độ tăng của Y_p 2,5%
 - thì U giảm bớt 1% so với thời kỳ trước”

$$U_t = U_0 - 0,4(g - p)$$

11/15/2011

Tran Binh Dung

17

Cách tính của Fischer & Dornbusch:

$$U_t = U_0 - 0,4(g - p)$$

Với U_t : Tỉ lệ thất nghiệp năm t

U_0 : Tỉ lệ thất nghiệp năm gốc

g : Tốc độ tăng của Y

p : Tốc độ tăng của Y_p

11/15/2011

Tran Binh Dung

18

Cách tính của *Fischer & Dornbusch*:

$$g = \frac{Y_t - Y_0}{Y_0} * 100$$

Y_t: Sản lượng năm t

Y₀: Sản lượng năm gốc (0)

11/15/2011

Tran Bach Dung

19

Cách tính của *Fischer & Dornbusch*:

$$p = \frac{Y_{pt} - Y_{po}}{Y_{po}} * 100$$

Y_{pt}: sản lượng tiềm năng năm t

Y_{po}: sản lượng tiềm năng năm gốc

11/15/2011

Tran Bach Dung

20

■ VD2:

$$Y_{p1} = 1100 \quad Y_{p2} = 1155$$

$$Y_1 = 1000 \quad Y_2 = 1100$$

$$U_1 = 7\% \quad U_2 = ?\%$$

11/15/2011

Tran Bach Dung

21

Tốc độ tăng trưởng kinh tế(g):

- Là tỷ lệ phần trăm gia tăng hàng năm
 - Của sản lượng quốc gia thực
 - hay của thu nhập bình quân đầu người
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm(g) được tính:

$$g_t = \frac{Y_t - Y_{t-1}}{Y_{t-1}} * 100$$

11/15/2011

Tran Bach Dung

22

Tốc độ tăng trưởng kinh tế(g):

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong giai đoạn(1-t) được tính:

$$\bar{g}_{1-t} = \left(\sqrt[t-1]{\frac{Y_t}{Y_1}} - 1 \right) * 100$$

11/15/2011

Tran Bach Dung

23

Tốc độ tăng trưởng kinh tế(g):

- VD:
- GDP_R²⁰⁰⁸ = 100
- GDP_R²⁰¹⁰ = 121

$$\bar{g}_{2008-2010} = \left(\sqrt[2]{\frac{121}{100}} - 1 \right) * 100 = 10\%$$

11/15/2011

Tran Bach Dung

24

3.P Ổn định, tỷ lệ lạm phát vừa phải

■ **Lạm phát:**

- là tình trạng mức giá chung **tăng lên**
- trong một khoảng thời gian nhất định

■ **Giảm phát:**

- là tình trạng mức giá chung **giảm xuống**
 - trong một khoảng thời gian nhất định

11/15/2011

Tran Bich Dung

25

■ **Giảm lạm phát:**

- là tình trạng mức giá chung **tăng lên**
- nhưng **tốc độ tăng thấp hơn** so với thời kì trước.

11/15/2011

Tran Bich Dung

26

■ Tỷ lệ lạm phát hàng năm(I_f):

$$I_f = \frac{P_t - P_{t-1}}{P_{t-1}} * 100$$

Với P_t : chỉ số giá năm t

P_{t-1} : chỉ số giá năm t-1

11/15/2011

Tran Bich Dung

27

Năm	96	97	98	99	00	01	02	03	04	05	06	07	08	09	2010
If (%)	4.5	3.6	9.2	0.1	-0.6	0.8	4	3	9.5	8.4	6.6	12.6	19.89	6.9	11.75
g (%)													6.31	5.32	6.78
Pop															86.93
LL															50.51
LD															

11/15/2011

Tran Bich Dung

28

4. Tỷ giá ổn định, cán cân thanh toán cân bằng

- Tỷ giá hối đoái ổn định:
- Tỷ giá hối đoái (e) là
- mức giá mà 2 đồng tiền của 2 quốc gia
- có thể chuyển đổi cho nhau
- VD: e= 21.000 VND/USD

11/15/2011

Tran Bich Dung

29

- Cán cân thanh toán (BP) là một bảng ghi chép
 - có hệ thống
 - và đầy đủ
 - các giao dịch của công dân và chính phủ một nước
 - với công dân và chính phủ của các nước khác

11/15/2011

Tran Bich Dung

30

- BP có thể ở 1 trong 3 tình trạng:
- Cân bằng ($BP=0$):
 - khi lượng ngoại tệ đi vào = lượng ngoại tệ đi ra
- Thặng dư ($BP>0$):
 - khi lượng ngoại tệ đi vào > lượng ngoại tệ đi ra
- Thâm hụt ($BP<0$):
 - khi lượng ngoại tệ đi vào < lượng ngoại tệ đi ra

11/15/2011

Tran Bich Dung

31

III. Công cụ điều tiết vĩ mô:

1. Chính sách tài khoá: thuế & chi ngân sách
2. Chính sách tiền tệ: thay đổi lượng cung tiền & lãi suất
3. Chính sách ngoại thương: thuế xuất nhập khẩu, quota & tỉ giá hối đoái
4. Chính sách thu nhập: chính sách giá và lương

11/15/2011

Tran Bich Dung

32

IV. Tổng cung tổng cầu

1. Tổng cung
2. Tổng cầu
3. Cân bằng AS-AD

11/15/2011

Tran Bich Dung

33

1. Tổng cung(AS):

AS Phụ thuộc vào:

- Mức giá chung(P)
- Chi phí sản xuất của nền kinh tế
- Khả năng sản xuất của nền KT

11/15/2011

Tran Bich Dung

34

1. Tổng cung(AS):

- Là giá trị tổng khối lượng hàng hoá và dịch vụ
 - mà các DN *sẽ cung ứng* cho nền KT
 - ở mỗi mức giá chung
 - trong một thời kỳ nhất định
 - trong điều kiện các yếu tố khác không đổi

11/15/2011

Tran Bich Dung

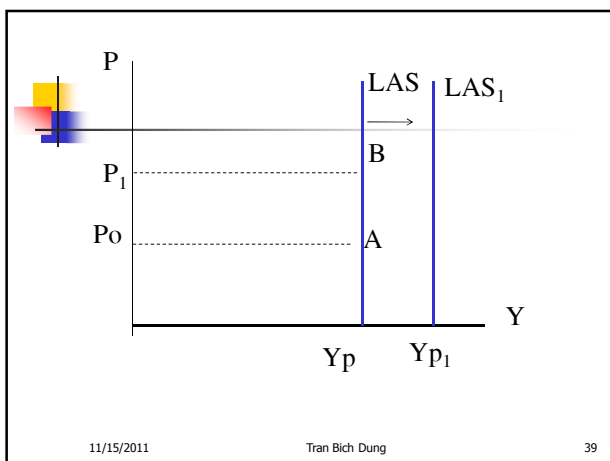
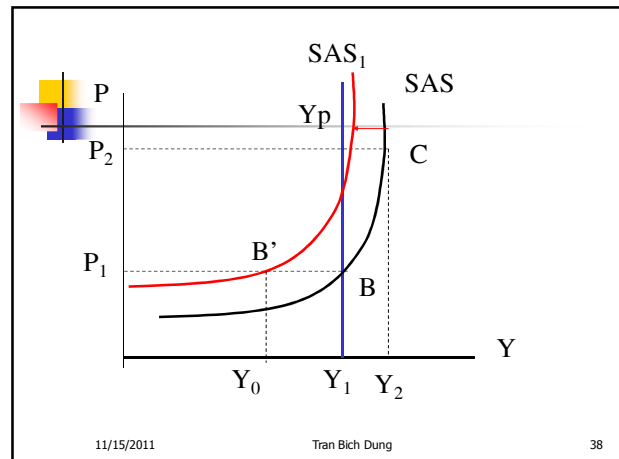
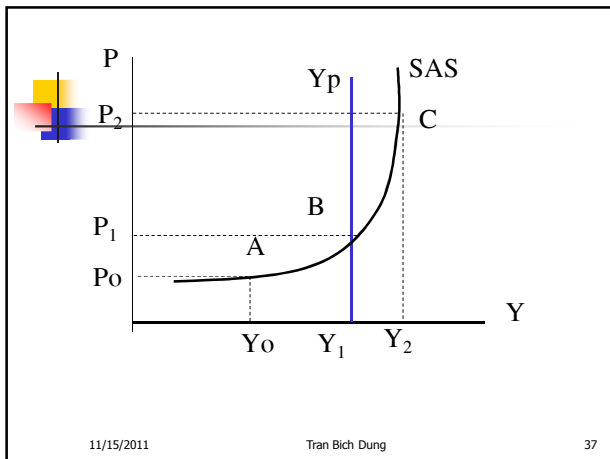
35

- Cần phân biệt
 - tổng cung ngắn hạn (SAS)
 - và tổng cung dài hạn(LAS)
- SAS được xây dựng trong điều kiện giá các yếu tố SX không đổi(cụ thể là tiền lương danh nghĩa không đổi)
- LAS được xây dựng trong điều kiện giá các yếu tố SX thay đổi(cụ thể là tiền lương danh nghĩa thay đổi)

11/15/2011

Tran Bich Dung

36



2. Tổng cầu(AD):

- Tổng chi tiêu - Tổng cầu về hàng hoá và dịch vụ nội địa của 4 khu vực:
 - dân cư
 - doanh nghiệp
 - chính phủ
 - và nước ngoài
 - phụ thuộc vào:

11/15/2011 Tran Bich Dung 40

2. Tổng cầu(AD):

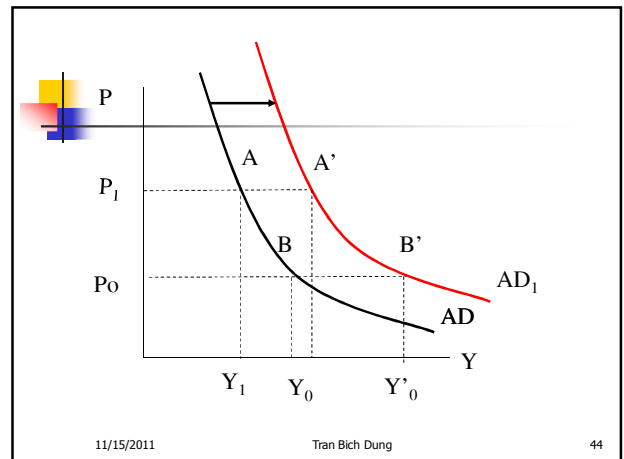
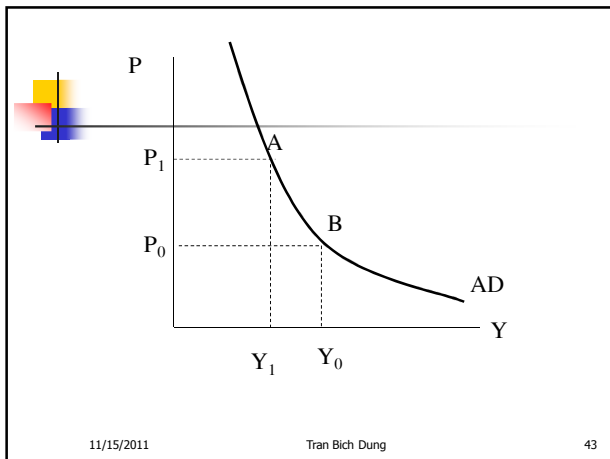
- Mức giá chung(P)
- Thu nhập của dân cư(Yd)
- Đầu tư của doanh nghiệp(I)
- Chi tiêu của chính phủ(G) và thuế(T)...
- Xuất khẩu ròng(NX)

11/15/2011 Tran Bich Dung 41

2. Tổng cầu(AD):

- Là giá trị tổng khối lượng hàng hoá và dịch vụ
 - mà các thành phần kinh tế **muốn mua**
 - ở mỗi mức giá chung
 - trong một thời kỳ nhất định
 - trong điều kiện các yếu tố khác không đổi

11/15/2011 Tran Bich Dung 42



3. Cân bằng tổng cung tổng cầu

- Thị trường hàng hoá và dịch vụ nội địa cân bằng khi
- tổng cung dự kiến bằng tổng cầu dự kiến

11/15/2011 Tran Bích Dung 45

